

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HC-PT

Ngày: 09/3/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông **Đặng Kim Nhân**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 155/2025/HC-PT về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2025/HC-ST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 311A/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1959; vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk)

Địa chỉ liên lạc: 5 Q, phường A, quận G, (nay là 579/13 Q, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Hữu H; địa chỉ: 5 Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 5 Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện: Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Giáp Thị L; địa chỉ thường trú: Thôn F, xã C, huyện E, (Nay là thôn F, xã E) tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Công ty TNHH MTV L2; địa chỉ: Số B N, thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Nông Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H trình bày:***

Tháng 5/2024, ông Đ nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, Huyện E, Tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông Đ đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là đo đạc đất và kiểm đếm tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông Đ nhưng UBND huyện E không ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024-3/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024, UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất của ông Đ.

Ông Nông Văn Đ là người bị thu hồi các thửa đất số 15, 06, 10, 13, 11, 16, 22, 23, 17, 27, 19, 158 mảnh trích đo số 10-2022; và thửa 10, 87, 11 mảnh trích đo số 9-2022 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Việc thu hồi đất của hộ ông Nông Văn Đ, nay có ý kiến như sau:

Thứ nhất, đề nghị cơ quan chức năng xem xét hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông Đ. Vì diện tích đất trên của ông Đ đã

được khai phá, được canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình, nên việc thu hồi đất của ông Đ để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất trên thì phải bồi thường cho gia đình ông Đ theo quy định pháp luật, bởi: Các thửa đất trên được ông Đ mua lại của ông Bàn Đình L1 với giá trị 25.000.000 đồng vào năm 2004, đã bàn giao tiền và nhận đất, tài sản gắn liền với đất để sử dụng ổn định đến nay. Thửa đất này do ông Bàn Đình L1 khai hoang vào năm 1996 và canh tác sử dụng ổn định. Thời điểm tạo lập và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: 9 cây điều thường trồng năm 1996, 856 cây cà phê trồng năm 2002, 364 cây điều trồng năm 2002 và trồng nhiều cây khác. Việc sử dụng ổn định lâu dài còn có minh chứng là phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện E xác định 5 cây điều trồng năm 1996 loại A, 700 cây cà phê trồng năm 2002 loại A, 330 cây điều trồng năm 2002 loại A..... (tại biên bản kiểm đếm ngày 19/6/2024). Được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kì làm chứng. Ông Đ sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình ông Đ có nguồn gốc là khai hoang, sử dụng ổn định và chuyển nhượng đúng theo quy định pháp luật. Nên khi Nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông Đ theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì:

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

+ Tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích Quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích Quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

+ Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N1, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây

dụng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

+ Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định *“Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”* nên khi Nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai.

Đối với tài sản trên đất được gia đình ông Đ tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho ông Đ. Vì ông Đ không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất ông Đ bị thu hồi. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông Đ cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, ông Đ nhận được Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất; Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông Đ lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 299.917.480 đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ.

Ngoài ra, UBND huyện E đã kiểm đếm các thửa đất vào cuối tháng 6/2024, UBND xã C xác nhận nguồn gốc đất ngày 26/08/2024, nhưng UBND huyện E không ban hành lại phương án theo bảng giá mới là không đúng quy định.

Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

+ Hủy một phần Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi hành công trình khu tái định cư số 1(khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

+ Hủy một phần Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi hành công trình khu tái định cư số 1(khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

+ Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi hành công trình khu tái định cư số 1(khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

+ Buộc UBND huyện E phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung trong đó bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định của pháp luật đối với hộ ông Nông Văn Đ.

*** *Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện*** Ủy ban nhân dân huyện E ***trình bày:***

1. Về nội dung yêu cầu buộc bồi thường về đất:

- Nguồn gốc đất: Căn cứ theo xác nhận số 15/GXN-UBND ngày 02/11/2022 và số 108/GXN-UBND ngày 27/02/2023 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Nông Văn Đ thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lần, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L2 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L2 thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công

ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp thu hồi đất do vi phạm luật đất đai: *“Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm”*.

Như vậy, căn cứ quy định trên thì đất của hộ ông Nông Văn Đ đang sử dụng không được bồi thường về đất.

2. Về nội dung buộc bồi thường tài sản gắn liền với đất: Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: *“Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này”*. Như vậy, tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nông Văn Đ không được bồi thường.

3. Về nội dung buộc hỗ trợ ổn định đời sống: Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì diện tích đất thu hồi của hộ ông Nông Văn Đ có nguồn gốc lấn, chiếm đất của Công ty TNHH MTV L2 nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

4. Về nội dung buộc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Diện tích đất thu hồi của hộ ông Nông Văn Đ không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên, việc ông Nông Văn Đ khởi kiện buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Giáp Thị L:** Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn Đ.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã C trình bày:**

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì các thửa đất thu hồi của hộ gia đình ông Nông Văn Đ (các thửa đất số 15, 06, 10, 13, 11, 16, 22, 23, 17, 27, 19, 158 mảnh trích đo số 10-2022 và thửa 10, 87, 11 mảnh trích đo số 9-2022) đều thuộc thửa đất số 97, 95 tờ bản đồ số DC02 (Theo Trích lục bản đồ địa chính số 112/TLVPĐKQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2008) do Công ty TNHH L2 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường E thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp.

- Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L2 hạng mục điểm tái định cư số 1 Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m². Thông báo thu hồi đất nên chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH L2.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất; Quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Mục 1, Công văn số 8370/UBND-NNMT ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh thì Công ty TNHH L2 đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp, do đó thời điểm hộ gia đình ông Nông Văn Đ lần, chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lần, chiếm của Công ty TNHH MTV L2.

Bên cạnh đó trong hồ sơ kiểm điểm của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E gửi đến kèm theo Công văn đề nghị xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất của hộ gia đình ông Nông Văn Đ (theo quy định tại điều 12, Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất chuyển hồ sơ kiểm điểm đến UBND xã). Thì hộ gia đình ông Nông Văn Đ không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại điều 100, luật đất đai năm 2013 và điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Do đó, UBND xã C căn cứ Công văn số 63/CV-Cty ngày 07/11/2022 của Công ty TNHH L2 cung cấp và theo quy định điểm b, tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ UBND xã đã xác nhận hộ gia đình ông Nông Văn Đ lần, chiếm đất Công ty TNHH L2 năm 2009.

Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2025/HC-ST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn Đ, cụ thể:

- Chấp nhận về yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

- Chấp nhận về yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

- Chấp nhận về yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T đối với hộ ông Nông Văn Đ;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện E (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) phải phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất đối với các thửa đất số 22, 27 (thuộc mảnh trích đo số 10-2022); thửa đất số 06 (thuộc mảnh trích đo số 10-2022, diện tích đất 9561,8m²), thửa đất số 87 (thuộc mảnh trích đo số 9-2022, diện tích đất 2638,2m²), thửa đất số 11 (thuộc mảnh trích đo số 9-2022, diện tích đất 925,3m²). Hỗ trợ vật kiến trúc thuộc thửa đất số 87 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 9-2022); thửa đất số 27 (mảnh trích đo địa chính số TĐ10-2022). Hỗ trợ cây trồng tạo lập trên đất đối với cỏ voi thuộc thửa đất số 16 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 10-2022) và bổ sung phương án hỗ trợ đối với các tài sản được tạo lập sau thông báo thu hồi đất tại các thửa đất số 11, thửa đất số 87 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 9-2022); các thửa đất 15; thửa đất số 06, thửa đất số 27 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 10-2022)

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn Đ, cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Nông Văn Đ;

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Nông Văn Đ.

3. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu thuộc thửa đất 10 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 10-2022).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2025, người đại diện của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H có đơn kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo Nông Văn Đ giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Nông Văn Đ; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về nguồn gốc các thửa đất:

Hộ ông Nông Văn Đ bị thu hồi các thửa đất số 15, 06, 13, 11, 16, 22, 23, 17, 27, 19, 158 mảnh trích đo số 10-2022; và các thửa đất số 10, 87, 11 mảnh trích đo số 9-2022 (đều thuộc thửa đất số 97, 95, tờ bản đồ số DC02) tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Giấy xác nhận số 59/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C thể hiện: Đối với thửa đất số 15 diện tích 1634,6m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công

ty L2 năm 2005; thửa đất số 06 diện tích đất 10704,8m² có nguồn gốc đất lần, chiếm của Công ty L2 tháng 3/2004 (diện tích 9561,8m²) và lần, chiếm năm 2005 (diện tích 1143m²); thửa đất số 10 (thuộc mảnh trích đo số 10-2022) diện tích đất 29616,9m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 tháng 3/2004 (diện tích đất 24614,4m²) và lần, chiếm năm 2005 (diện tích đất 5002,5m²); thửa đất số 13 diện tích đất 6065m² chưa sử dụng có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2; thửa đất số 11 (thuộc mảnh trích đo số 10-2022) diện tích đất 579,5m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 năm 2009; thửa đất số 16 diện tích đất 906,8m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 năm 2010; thửa đất số 22 diện tích đất 611,7m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 tháng 3/2004; thửa đất số 23 diện tích đất 722,4m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 năm 2009; thửa đất số 17 diện tích đất 214,7m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 năm 2010; thửa đất số 19 diện tích đất 6070,9m² chưa sử dụng có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2; thửa đất số 158 diện tích đất 2029,9m² chưa sử dụng có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2; thửa đất số 27 diện tích đất 1158,2m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 tháng 3/2004; thửa đất số 10 (thuộc mảnh trích đo số 9-2022) diện tích đất 826,2m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 năm 2005; thửa đất số 87 diện tích đất 5930,2m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 tháng 3/2004 (diện tích 2638,2m²) và lần, chiếm năm 2005 (diện tích đất 3292m²); thửa số 11 (thuộc mảnh trích đo số 9-2022) diện tích đất 1873,6m² có nguồn gốc lần, chiếm của Công ty L2 tháng 3/2004 (diện tích đất 925,3m²) và lần, chiếm năm 2005 (diện tích đất 948,3m²). Tất cả các thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất thuộc Công ty L2 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường Ea Kar thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty L2 để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp.

Ông Đ khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất bị thu hồi là do nhận chuyển nhượng của ông Bàn Đình L1 vào năm 2004, đã giao tiền và nhận đất, tài sản gắn liền với đất để sử dụng ổn định từ đó cho đến nay; thửa đất này do ông Bàn Đình L1 khai hoang vào năm 1996 và canh tác sử dụng ổn định; không tranh chấp với ai, không bị cơ quan tổ chức nào ngăn cản, không bị xử phạt hành chính. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện diện tích đất bị thu hồi nằm trong tổng diện tích UBND tỉnh Đ cho Công ty L2 thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008. Quá trình giải quyết, người khởi kiện cung cấp Giấy chuyển nhượng đất viết tay giữa ông Đ và ông Bàn Đình L1 nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương, ngoài ra không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nguồn gốc đất, đất chưa được cấp GCNQSD đất nên không có cơ sở để xem xét.

Như vậy, trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ căn cứ xác định diện tích đất của hộ ông Nông Văn Đ sử dụng có nguồn gốc do lần, chiếm của Công ty L2 kể từ thời điểm hộ gia đình ông Đ sử dụng đất.

Căn cứ Giấy xác nhận số 59/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C cần xác định lại thời điểm sử dụng đất của các thửa đất bị thu hồi như sau: Các thửa đất số 22, 27 là vào tháng 3/2004; các thửa đất số 10 (thuộc mảnh trích đo số 9-2022), thửa số 15 là vào năm 2005; các thửa số 11 (thuộc mảnh trích đo số 10-2022), thửa 23 là vào năm 2009; thửa đất số 06 là vào tháng 3/2004 (diện tích 9561,8m²) và năm 2005 (diện tích 1143m²); thửa đất số 87 là vào tháng 3/2004 (diện tích 2638,2m²) và năm 2005 (diện tích 3292m²); thửa số 11 (thuộc mảnh trích đo số 9-2022) là vào tháng 3/2004 (diện tích 925,3m²) và năm 2005 (diện tích 948,3m²); các thửa đất số 16, 17 là vào năm 2010; các thửa đất số 13, 19, 158 là đất chưa sử dụng;

[2] Đối với yêu cầu bồi thường về đất:

Tại điểm đ khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai thì diện tích đất của hộ ông Nông Văn Đ có nguồn gốc lần, chiếm đất của Công ty L2 được giao để quản lý nên không được bồi thường về đất là đúng quy định.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định thì UBND huyện E xác định toàn bộ các thửa đất bị thu hồi của hộ ông Đ thời điểm bắt đầu sử dụng đều từ năm 2009 và chỉ hỗ trợ 50% là chưa đúng.

[3] Về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất:

Do hộ ông Đ không được bồi thường về đất nên cũng không thuộc trường hợp được bồi thường tài sản trên đất. Tại điểm b khoản 4 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định thì theo giấy xác nhận số 59/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C; Biên bản về việc kiểm tra, rà soát thực địa theo kiến nghị của hộ gia đình; Biên bản kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất thể hiện: Thửa đất số 11 (mảnh trích đo địa chính số TĐ10-2022) có 161m² ao tạo lập năm 2009, 370m² tạo lập năm 2014. Thửa đất số 27 (mảnh trích đo địa chính số TĐ10-2022) có ao diện tích 843,9m² tạo lập năm 2017. Thửa đất số 87 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 9-2022) có nhà kho 1 và nhà kho 2 tạo lập năm 2020. UBND huyện E chỉ lên phương án hỗ trợ 60% đối với ao diện tích 579,5m² thời điểm tạo lập năm 2009 của thửa đất số 11 và xác định đối với các tài sản tạo lập sau khi có Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E là không được hỗ trợ. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông Đ trình bày đến tháng 6/2024 ông mới nhận và biết được Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E, UBND huyện E không cung cấp được tài liệu chứng minh việc giao nhận, niêm yết hợp lệ Thông báo thu hồi đất trên đối với hộ ông Đ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện E phê duyệt lại phương án hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Đ đối với vật kiến trúc

tạo lập trên đất là ao diện tích 843,9m² tạo lập năm 2017 của thửa đất số 27; nhà kho 1, nhà kho 2 tạo lập năm 2020 của thửa đất số 87 là 30% theo giá trị còn lại.

[4] Về bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất:

Tại khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định thì theo giấy xác nhận số 59/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C thể hiện thửa đất số 16 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 10-2022) lần chiếm năm 2010, từ năm 2010 đến nay không sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp. UBND huyện E không hỗ trợ đối với cỏ voi trồng quanh bờ trên thửa đất này là không phù hợp, cần xác định thời điểm tạo lập năm 2010 và phải hỗ trợ bằng 60% cho hộ ông Đ.

Đối với cây trồng được tạo lập trên đất sau thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 không được UBND huyện E hỗ trợ là thiếu sót. Như đã nhận định ở mục [2.4] tháng 6/2024 ông Đ mới nhận biết được Thông báo thu hồi đất trên nên cần buộc UBND huyện E hỗ trợ bổ sung cây trồng trên đất tính đến thời điểm ông Đ nhận được quyết định thu hồi đất năm 2024 mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ đối với các cây trồng tạo lập sau thông báo thu hồi đất tại các thửa đất số 11, thửa đất số 87 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 9-2022); các thửa đất 15; thửa đất số 06, thửa đất số 27 (mảnh trích đo địa chính số TĐ 10-2022)

[5] Về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định thì hộ ông Đ không phải là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán, không được bồi thường về đất. Do đó, yêu cầu của ông Đ về khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định thì hộ ông Đ không có hợp đồng giao khoán, được xác định là sử dụng đất lần chiếm nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

[7] Về yêu cầu hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 281:

Lý do ông Đ cho rằng các thửa đất bị thu hồi là do gia đình nhận chuyển nhượng của ông Bàn Đình L1 vào năm 2004, đã giao tiền và nhận đất quản lý, sử dụng ổn định đến nay; thửa đất này do ông Bàn Đình L1 khai hoang vào năm 1996; là nguồn thu nhập chính của gia đình, việc giao lại đất cho người khác canh tác là không hợp lý, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình ông, hơn nữa nếu thu hồi thì phải bồi thường thỏa đáng cho gia đình ông theo quy định pháp luật. Xét thấy, như đã nhận định tại mục [2.1] thì nguồn gốc đất được xác định là của UBND tỉnh Đ

cho Công ty L2 thuê. Do đó tại Quyết định số 09 thu hồi 133.479,8m² đất của Công ty L2 để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ chứa nước Krông Pách T là phù hợp với quy định của pháp luật về mục đích thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia. Về thẩm quyền thu hồi đất và trình tự thủ tục là thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

[8] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định, phù hợp và đúng pháp luật nên hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn Đ và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[9] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nông Văn Đ không phải chịu án phí hành chính sơ, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 102/2025/HC-ST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
2. Về án phí hành chính: Ông Nông Văn Đ không phải chịu.
3. Các quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường